

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN BÌNH AN**

**HIẾN PHÁP VỚI VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN**

*Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và  
pháp luật*

*Mã số : 60 38 01*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà nội – 2011**

*Công trình được hoàn thành tại:*

**KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. NGUYỄN ĐĂNG DUNG**

Phản biện 1:.....

.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: ..... giờ ..... ngày ..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
MỞ ĐẦU.....	4
1. Lý do chọn đề tài.....	4
2. Tình hình nghiên cứu đề tài .....	5
3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	6
4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài .....	6
5. Cơ cấu của đề tài.....	6
CHƯƠNG I.....	7
NHÂN QUYỀN - ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA HIẾN PHÁP .....	7
1.1. Khái quát về nhân quyền.....	7
1.1.1. <i>Khái niệm về quyền con người.....</i>	7
1.1.2. <i>Tính chất cơ bản của quyền con người .....</i>	7
1.2. Nhân quyền – Đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp .....	8
1.2.1. <i>Nhân quyền là đối tượng điều chỉnh cơ bản của Hiến pháp.....</i>	8
1.2.2. <i>Cách thức, phạm vi điều chỉnh nhân quyền trong Hiến pháp.....</i>	9
CHƯƠNG II.....	10
HIẾN PHÁP MỘT SỐ QUỐC GIA VỚI VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN .....	10
2.1. Hiến pháp Hoa Kỳ.....	10
2.2. Hiến pháp Cộng hòa Pháp.....	10
2.3. Hiến pháp Anh quốc: .....	11
CHƯƠNG III .....	12
HIẾN PHÁP VIỆT NAM VỚI VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN .....	12
3.1. Quyền con người ở Việt Nam trước Hiến pháp năm 1946 .....	12
3.2. Hiến pháp năm 1946 với vấn đề nhân quyền.....	13
3.3. Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 với vấn đề nhân quyền .....	14
3.4. Bảng so sánh các quy định về quyền và nghĩa vụ công dân trong các bản văn Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992.....	19
3.5. Một số ý kiến đóng góp hoàn thiện chế định quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 1992.....	19
3.5.1. <i>Cách thức quy định quyền con người trong Hiến pháp .....</i>	19
3.5.2. <i>Sửa đổi quy định một số quyền cụ thể trong Hiến pháp .....</i>	20
KẾT LUẬN.....	22

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử nền văn minh nhân loại là một quá trình đấu tranh khẳng định các quyền cơ bản của con người. Mặc dù còn tồn tại những tranh cãi mang tính học thuật về quyền tự nhiên hay quyền pháp lý của quyền con người nhưng có thể khẳng định, quyền con người đã được ghi nhận trong các văn kiện pháp luật của hầu hết các quốc gia. Từ thời kỳ Trung cổ ở châu Âu, người Anh đã ban hành Hiến chương Magna Carta năm 1215, theo đó khẳng định một số quyền con người như quyền sở hữu, thừa kế tài sản, quyền tự do buôn bán, quyền được xét xử đúng đắn và được bình đẳng trước pháp luật. Năm 1776, mười ba thuộc địa ở Bắc Mỹ đã tuyên bố độc lập với đế chế Anh, thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thông qua Tuyên ngôn độc lập khẳng định “...*mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Cộng hòa Pháp cũng công bố Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền khi thành lập năm 1789, đã xác định các quyền cơ bản của con người như quyền tự do và bình đẳng, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền không bị bắt giữ trái phép, quyền được coi là vô tội cho đến khi bị tuyên bố phạm tội... và đề cập đến những biện pháp bảo đảm thực hiện các quyền này. Sau này, những luận điểm về các quyền con người của bản Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền cũng được ghi nhận trong nhiều bản Hiến pháp đã được thông qua tại nhiều quốc gia ở châu Âu, theo đó, các quyền con người được xác định như một bộ phận cấu thành không thể thiếu được của Hiến pháp, là mục tiêu phấn đấu và thực hiện của các nhà nước đó.

Ở Việt Nam, quyền con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong Tuyên ngôn độc lập do người soạn thảo và công bố ngày 02/9/1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”.

Kể từ ngày độc lập cho đến nay, Việt Nam cũng đã tham gia nhiều hơn vào các diễn đàn quốc tế, trong đó có diễn đàn về quyền con người. Tăng cường đối thoại, chủ động tham gia ký kết và thực hiện các cam kết và điều ước quốc tế về quyền con người đang là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam đã ký kết và gia nhập nhiều Công ước quốc tế về nhân quyền như Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (Liên hợp quốc thông qua năm 1966, Việt Nam gia nhập năm 1982), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Liên hợp quốc thông qua năm 1966, Việt Nam gia nhập năm 1982), Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Liên hợp quốc thông qua năm 1979, Việt Nam gia nhập năm 1982)...

Nghị quyết Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định “*Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân; Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định.*”

Có thể thấy rằng, quyền con người ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng trong các lĩnh vực đời sống xã hội, chính trị, văn hóa, pháp luật và được luật pháp quốc tế, pháp luật các quốc gia ghi nhận, xác lập và thúc đẩy cơ chế bảo đảm thực hiện. Vì vậy, đề tài này nghiên cứu vấn đề nhân quyền, đối tượng điều chỉnh, cách thức, phạm vi điều chỉnh trong bản văn Hiến pháp của một số quốc gia trong đó có Việt Nam theo những chuẩn mực quốc tế được cộng đồng quốc tế thừa nhận, góp phần nâng cao nhận thức khoa học của chúng ta về quyền con người, xây dựng các căn cứ lý luận và chính sách, hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam, mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong nhiều thập niên qua, vấn đề quyền con người được nghiên cứu nhiều ở cả bình diện quốc tế và quốc gia. Nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc coi quyền con người là nội dung quan trọng trong các hoạt động của mình. Cơ quan này đã hỗ trợ cho nhiều hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến quyền con người. Cho đến nay, Liên hợp quốc đã hình thành được cơ chế bảo vệ quốc tế về quyền con người với sự ra đời của hàng chục điều ước, tuyên ngôn, tuyên bố về quyền con người.

Quyền con người đã được nhiều tổ chức và cá nhân nghiên cứu như: UNDP, *Human Development Report 2000: Human Rights and Human Development*, New York, 2000; United Nations, *Frequently asked questions on a human rights – based approach to development cooperation*; Johannes Morsink, *The Universal Declaration of Human rights: Origins, Drafting, and Intent*, Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 1999; trong đó, một số cuốn sách đã được dịch sang tiếng Việt như: Jacques Mourgon, *Quyền con người*, Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Hà Nội, 1995; Wolfgang Benedek (Chủ biên), *Tìm hiểu về quyền con người*, nhà xuất bản Tư pháp, 2008; ...

Năm 2005, Bộ Ngoại giao Việt Nam chủ trì, công bố tập tài liệu: “*Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*”; Trung tâm nghiên cứu quyền con người (nay là Viện nghiên cứu quyền con người trực thuộc Học viện Chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh), *Việt Nam với vấn đề quyền con người*; và đề tài độc lập cấp nhà nước, *Quyền con người trong thời kỳ đổi mới – thành tựu – vấn đề và phương hướng giải quyết*; đề tài: “*Việt Nam với vấn đề quyền*

*con người*” – một công trình nghiên cứu do Bộ Tư pháp chủ trì cùng với sự tham gia của nhiều cơ quan...

Một số cuốn sách chuyên khảo về quyền con người trong hiến pháp đã được xuất bản như: Nguyễn Đăng Dung, *Tính nhân bản của Hiến pháp và bản tính của các cơ quan nhà nước*, nhà xuất bản Tư pháp, 2004; Nguyễn Văn Động, *Các quyền hiến định về xã hội của công dân Việt Nam*, nhà xuất bản Tư pháp, 2006...

Ngoài ra, một số luận án tiến sĩ và thạc sĩ cũng đã có những nghiên cứu nhất định liên quan đến quyền con người...

### **3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### ***a. Mục tiêu***

- Trình bày và phân tích nhân quyền là đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp.
- Cách thức quy định, phạm vi điều chỉnh vấn đề nhân quyền trong Hiến pháp.
- So sánh các nguyên tắc và quy định về nhân quyền trong các bản Hiến pháp Việt Nam.

#### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

Đề tài giới hạn ở việc nghiên cứu các quyền hiến định về nhân quyền trong Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Hiến pháp của Cộng Hòa Pháp, nguồn pháp luật của Hiến pháp bất thành văn của vương quốc liên hiệp Anh & bắc Ailen và Hiến pháp của Việt Nam.

### **4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Theo tính chất của chủ đề, nội dung nghiên cứu, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sẽ là phương pháp tập hợp và phân tích văn bản và tài liệu.

### **5. Cơ cấu của đề tài**

Nội dung đề tài được chia làm ba chương:

- **Chương 1: Nhân quyền – đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp**
- **Chương 2: Hiến pháp một số quốc gia với vấn đề nhân quyền**
- **Chương 3: Hiến pháp Việt Nam với vấn đề nhân quyền**

## CHƯƠNG I

### NHÂN QUYỀN - ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA HIẾN PHÁP

#### 1.1. Khái quát về nhân quyền

##### *1.1.1. Khái niệm về quyền con người*

Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người.

Tại Việt Nam, quyền con người thường được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

##### *1.1.2. Tính chất cơ bản của quyền con người*

###### a) Tính phổ biến (universal)

Thông qua bản Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, tính phổ biến của quyền con người được cộng đồng quốc tế thừa nhận thể hiện ở chỗ quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người. Quyền con người được áp dụng bình đẳng cho mọi người, không có sự phân biệt đối xử bởi bất kỳ lý do nào về chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân... Như vậy, quyền con người là một giá trị chung của nhân loại, là mục đích vươn tới của nhân loại.

Quyền con người được xây dựng trên cơ sở tôn trọng nhân phẩm và giá trị của mỗi cá nhân. Phẩm giá con người là giá trị phổ biến của quyền con người, phản ánh bản chất của từng con người. Bên cạnh tính phổ biến, quyền con người còn có tính không thể chuyển nhượng.

###### b) Tính không thể chuyển nhượng (tức đoạt)

Bất kỳ một chủ thể nào bao gồm cả cơ quan công quyền hay công chức nhà nước cũng không có quyền tước đoạt một cách tùy tiện các quyền tự do ý chí, thể hiện nguyện vọng đó của mỗi cá nhân trong xã hội. Bên cạnh đó, bất cứ ai, không những không được quyền tước đoạt mà còn không được quyền hạn chế hoặc xâm phạm một cách tùy tiện các quyền con người của mỗi cá nhân.

###### c) Tính không thể phân chia (indivisible)

Về nguyên tắc, các quyền con người này được xác định có tầm quan trọng như nhau, không có quyền nào được xem là quan trọng hơn hoặc cao hơn các quyền khác. Các quyền đều ngang nhau về mặt giá trị.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào những hoàn cảnh khác nhau và những chủ thể khác nhau, dựa trên những yêu cầu thực tế, một số quyền nhất định có thể được nhấn mạnh, được ưu tiên thực hiện hoặc được chú ý bảo vệ. Những quyền được ưu tiên hoặc được bảo vệ riêng này không đồng nhất với việc xác nhận giá trị cao hơn hoặc quan trọng hơn các quyền con người khác. Các quyền con

người cơ bản của phụ nữ và trẻ em đều quan trọng như nhau, nhưng vì là nhóm xã hội dễ bị tổn thương, có nguy cơ bị đe dọa và bị vi phạm nên cần có những ưu tiên nhất định để đảm bảo các quyền cho họ.

d) Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau (interrelated, interdependent)

Quyền con người mang tính toàn diện, chúng không tồn tại một cách độc lập, tách rời với nhau mà tồn tại trong một tổng thể có mối liên hệ mật thiết, chúng phụ thuộc, ràng buộc lẫn nhau và coi trọng như nhau, trong đó, việc đảm bảo toàn bộ hoặc một phần các quyền này là điều kiện để đảm bảo toàn bộ hoặc một phần các quyền khác và ngược lại.

Một xã hội phát triển, đảm bảo tốt các quyền và tự do chính trị, dân sự sẽ có những tác động tích cực trực tiếp và gián tiếp đảm bảo các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Và ngược lại, các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội được đảm bảo thì các quyền chính trị, dân sự sẽ được thực thi tốt.

Chính vì vậy, chỉ có thể thực sự thành công trong việc bảo đảm các quyền con người khi chúng được tiến hành một cách toàn diện và tổng thể, chú trọng thực thi đầy đủ các quyền, không thể bảo đảm riêng quyền con người này mà không chú ý tới các quyền khác.

## **1.2. Nhân quyền – Đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp**

### ***1.2.1. Nhân quyền là đối tượng điều chỉnh cơ bản của Hiến pháp***

Quyền con người là quyền tự nhiên hay quyền pháp lý? Kéo dài từ thời Cận đại cho đến ngày nay, tranh cãi về hai trường phái này vẫn tiếp tục tiếp diễn, không thể chấm dứt và khẳng định được trường phái nào hợp lý bởi những ảnh hưởng sâu sắc của các vấn đề chính trị, xã hội, pháp luật, đạo đức, triết học...

Ngược theo dòng lịch sử nhân loại, từ thời cổ đại, quyền tự nhiên của con người đã được đề cập đến. Con người có những quyền tự nhiên theo nghĩa là những quyền lợi gắn với bản tính của con người, nghĩa là bẩm sinh chứ không do xã hội ban cấp và thu hồi. Sau này, trong các cuộc cách mạng tư sản ở Hoa Kỳ, Pháp, quyền tự nhiên của con người đã được khẳng định trong các bản Tuyên ngôn độc lập (Hoa Kỳ), Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền (Pháp). Kể cả Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người đã được thông qua bởi đa số các quốc gia trên thế giới cũng cho rằng quyền con người là các quyền tự nhiên và vốn có (Điều 1).

Các học thuyết về quyền pháp lý ra đời muộn hơn so với các học thuyết và tư tưởng về quyền tự nhiên, xuất hiện từ thời kỳ Phục hưng. Theo những học giả này, quyền con người phải do nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật chứ không phải bẩm sinh mà có.

Nhìn nhận những quan niệm nêu trên, có thể nhận thấy sự tuyệt đối hóa hai khía cạnh cơ bản của quyền con người là quyền tự nhiên hay quyền pháp lý đều không phù hợp. Những quan niệm cực đoan trong các học thuyết của hai trường phái này như là không có pháp luật thì không thể có quyền con người hoặc quyền con người đứng trên Nhà nước,... đều thể hiện tính hạn chế.



Như trên vừa nêu, những quyền mà con người đang được thụ hưởng, những nhu cầu tự nhiên, vốn có của con người đều là những quyền đã được pháp điển hóa thành các quy phạm pháp luật, được ghi nhận trong hệ thống pháp luật của quốc gia, thông qua đó trở thành các quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung, mang tính bắt buộc, được xã hội thừa nhận, bảo vệ và thống nhất áp dụng cho mọi chủ thể. Hay nói một cách khác, các quyền và tự do của con người không phải là do nhà nước ban phát cho công dân của mình hoặc nhà nước có quyền thu hồi những quyền này mà đó là các quyền tự nhiên, bẩm sinh, vốn có của con người khi sinh ra với tư cách là người và chúng được bảo đảm thực hiện bằng các quy định của hệ thống pháp luật.

Như vậy, để được tuân thủ, thực thi một cách đầy đủ, toàn diện, là những quyền pháp lý, trở thành những quy tắc ứng xử cơ bản trong xã hội, và được pháp luật bảo vệ thì chỉ khi các quyền và tự do của con người được ghi nhận trong Hiến pháp - đạo luật cơ bản và nền tảng cho các văn bản luật. Chính vì vậy, nhân quyền là đối tượng điều chỉnh cơ bản của Hiến pháp.

### ***1.2.2. Cách thức, phạm vi điều chỉnh nhân quyền trong Hiến pháp***

#### **o Cách thức điều chỉnh nhân quyền trong Hiến pháp**

Trên thế giới, có ba cách quy định về quyền con người trong hiến pháp được trình bày dưới đây:

*Cách thứ nhất* là, nhân quyền được quy định trong một văn bản riêng gọi là bản Tuyên ngôn nhân quyền của các nhà nước tư bản phát triển, như Luật về các quyền năm 1689 của Anh và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của Pháp.

*Cách thứ hai* là, nhân quyền được quy định thành chương điều trong nội dung của Hiến pháp.

*Cách thứ ba* là, nhân quyền không được quy định thành bản Tuyên ngôn riêng rẽ, mà cũng không nằm trong nội dung chính của Hiến pháp, mà nằm trong bản phụ trương của Hiến pháp, như 10 tu chính án của Hoa Kỳ.

#### **o Phạm vi điều chỉnh nhân quyền trong Hiến pháp**

Căn cứ theo phạm vi điều chỉnh nhân quyền, Hiến pháp có thể được chia thành hai loại, Hiến pháp có phạm vi điều chỉnh nhân quyền hẹp và Hiến pháp có phạm vi điều chỉnh nhân quyền rộng.

Hiến pháp có phạm vi điều chỉnh hẹp thường chứa đựng rất ít các quy định về quyền con người hoặc chỉ hạn chế trong phạm vi các quyền cơ bản của con người, không có những điều khoản về các quyền con người trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Phạm vi điều chỉnh nhân quyền trong loại Hiến pháp này được mở rộng, từ các quyền và tự do cơ bản của con người như các quyền chính trị, dân sự cho đến các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội. Hiến pháp loại này ghi nhận nhiều quyền tiến bộ do nhân loại đấu tranh và giành được.

## CHƯƠNG II

### HIẾN PHÁP MỘT SỐ QUỐC GIA VỚI VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

#### 2.1. Hiến pháp Hoa Kỳ

Nói tới Hiến Pháp Hoa Kỳ, phải thấy đó là luật của quốc gia. Hiến pháp ấn định thể thức tổ chức chính quyền, ấn định các quyền và sự tự do cho công dân. Hiến pháp cũng nêu rõ các mục đích của chính quyền, các phương cách và đường lối thực hiện để đạt đến mục đích, do Hiến pháp đề ra. Sau hơn hai trăm năm từ ngày soạn thảo, Hiến Pháp Hoa Kỳ vẫn nguyên vẹn tinh rỗng, có chăng là thêm bớt số tu chính án.

Đây là bản hiến pháp đầu tiên của thế giới được soạn thảo ngày 17 tháng 9 năm 1787 dựa trên tư tưởng tam quyền phân lập giữa ba nhánh lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Tổng thống), tư pháp (tòa án) do Montesquieu, một triết gia người Pháp đề xướng. Thủ tướng Vương quốc Anh William Ewart Gladstone (1809 – 1898) đã miêu tả bản Hiến pháp này là "*tác phẩm tuyệt vời nhất từng được sản sinh ra vào một thời điểm nhất định bởi trí óc và mục đích của con người*".

James Madison đã vận động soạn thảo và đưa ra đề xuất mười lăm tu chính án bổ sung sửa đổi, và Quốc hội đã chấp nhận mười hai tu chính án trong số đó để chuyển cho cơ quan lập pháp các bang phê chuẩn theo quy trình sửa đổi được đề ra trong Điều 5 của Hiến pháp. Đến ngày 15/12/1791, các cơ quan lập pháp cần thiết ở ba phần tư số bang đã phê chuẩn mười tu chính án bổ sung sửa đổi. Mười tu chính án này được gọi là “Tuyên ngôn nhân quyền”.

Các tu chính án này có tác dụng hạn chế quyền lực của chính quyền liên bang, giới hạn khả năng xâm phạm của chính phủ đối với các quyền và tự do của từng cá nhân, những người sinh sống và khách trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Các quyền được liệt kê và đảm bảo trong các tu chính án này bao gồm các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và tôn giáo. Đây là những quyền bất khả xâm phạm. Hoặc các quyền tự do cá nhân khác như quyền tự do kiến nghị, các quyền không bị lục soát và tịch thu vô lý, hình phạt tàn bạo và bất bình thường, và tự buộc tội do bị ép buộc...

Hiến pháp Hoa Kỳ và bản phụ văn của nó, Tuyên ngôn nhân quyền là bản văn hiến pháp lâu đời nhất và nổi tiếng nhất, là mô hình tham khảo của nhiều quốc gia khi xây dựng hiến pháp.

#### 2.2. Hiến pháp Cộng hòa Pháp

Ngày 26 tháng 8 năm 1789, Quốc Hội đầu tiên này, trong cuộc cách mạng 1789, đã thông qua bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền làm căn bản cho sự “*tự do công bằng và tình huynh đệ*”. Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của nước Pháp cũng nêu rõ “*con người được sinh ra, được tự do và có quyền bình đẳng*”. Nói cách khác, vào thời kỳ từ năm 1689 đến năm 1776, những quyền vốn được coi là chỉ thuộc về một dân tộc nào đó – ví dụ như những người Anh quốc tự do – nay đã được chuyển hóa thành nhân quyền – quyền tự nhiên của cả nhân loại mà người Pháp gọi là quyền con người.

Mặc dù không nằm trong Hiến pháp nhưng cho đến nay, Lời mở đầu của Hiến pháp 1958 đang hiện hành của cộng hòa Pháp, trình trọng tuyên bố: “*Nhân dân Pháp trung thành với bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền năm 1789*”. Điều đó có nghĩa bản tuyên ngôn này như là một nội dung chính của Hiến pháp.

### **2.3. Hiến pháp Anh quốc:**

Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland (sau đây gọi tắt là Anh quốc) không có văn kiện mang tên “Bản Hiến Pháp Hoàng Gia”. Tuy vậy, họ lại có một số văn kiện với sức mạnh của hiến pháp. Những văn kiện này gồm có Đại Hiến Chương (1215), Luật về các quyền (1689), Đạo Luật Định Cư (1701), và một số các đạo luật đặc biệt do Quốc Hội Anh ban hành.

Sự ra đời của Đại Hiến chương Magna Carta ngày 15/06/1215 là một cột mốc lịch sử thể hiện quá trình phát triển các tư tưởng đấu tranh cho quyền tự do cá nhân, vốn đã được manh nha rất sớm tại nước Anh và có một quá trình phát triển rất dài qua các thời đại, khởi đầu là những yêu cầu hạn chế những đặc quyền của nhà vua. Đây là một bản văn kiện được coi như đã mở đường cho các quyền tự do của con người ở Anh quốc và ngày nay được cả thế giới lý tưởng hóa thành một biểu tượng lịch sử về tranh đấu cho các quyền tự do của con người.

Qua các điều khoản của Đạo luật về các quyền năm 1689 (Bill of Rights, 1689), cuộc cách mạng ở Anh đã được diễn ra không phải chỉ để bảo vệ quyền sở hữu tài sản (theo nghĩa hẹp) nhưng để thành lập các quyền tự do mà các người tiền bối cho là có giá trị tinh thần thiết yếu cho phẩm cách của con người.

Mặc dù Đạo luật Nhân quyền của nước Anh năm 1689 đã nhắc đến “những quyền lợi và tự do xưa”, song bộ luật này đã không tuyên bố rằng nhân quyền phải có tính toàn cầu, tính tự nhiên và tính bình đẳng.

## CHƯƠNG III

### HIẾN PHÁP VIỆT NAM VỚI VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

#### 3.1. Quyền con người ở Việt Nam trước Hiến pháp năm 1946

Trong dân gian, nhiều câu ca dao, tục ngữ cũng đề cập đến nhân quyền như “*nhiều điều phủ lấy giá gương / người trong một nước phải thương nhau cùng*” hoặc là “*bầu ơi thương lấy bí cùng / tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*” hoặc là “*thương người như thể thương thân*”...

Trong thời kỳ phong kiến, tại một số triều đại nhất định, quyền con người cũng được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Bộ "Quốc triều hình luật" hay còn gọi là bộ luật Hồng Đức của nhà Lê được ban hành năm 1483 quy định về quyền bình đẳng nam nữ, phụ nữ có thể làm nữ quan, vợ bình đẳng với chồng về các quyền dân sự và tài sản; hoặc quy định nhà nước phải trợ giúp người nghèo khó, tật nguyền, cô nhi, quả phụ về lương thực, thuốc men, nơi ở...

Vấn đề dân quyền - một vấn đề mới mẻ trong những năm đầu của thế kỷ XX đã được các sĩ phu yêu nước đã sớm nêu lên gắn liền với vấn đề lập hiến. Bằng sự trải nghiệm của mình, Phan Bội Châu cho rằng, không có dân quyền là một trong những nguyên nhân khiến cho nhân dân ta sống trong tui nhục, cay đắng, khốn khổ và tăm tối.

Theo Phan Bội Châu, dân quyền là quyền lực và nhu cầu của người dân, là giá trị của con người cần phải được khẳng định bằng các văn bản nhà nước nhằm đảm bảo và tăng cường hiệu lực thực hiện. Do đó, Phan Bội Châu thấy rằng, cần phải có một bản Hiến pháp của nước Việt Nam.

Một trong những chiến sĩ tiên phong khởi xướng và truyền bá dân quyền và tư tưởng lập hiến ở Việt Nam là Phan Chu Trinh. Vào những năm cuối đời mình, tư tưởng xây dựng Hiến pháp và một nhà nước dân chủ của Phan Chu Trinh thể hiện rất đậm nét trong bài diễn thuyết: "Quân trị và dân trị chủ nghĩa" của ông tại Hội khuyến học Sài Gòn.

Vấn đề quyền con người cũng đã được chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm, người đã đặt nền móng lý luận và thực tiễn bằng việc khẳng định quyền con người gắn liền với quyền dân tộc, với độc lập chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy các quyền con người phải được bảo vệ và phải được ghi nhận bằng Hiến pháp. Chỉ sau một ngày khi đọc Tuyên ngôn độc lập, ngay hôm sau (ngày 3 tháng 9 năm 1945) trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xem việc tổng tuyển cử, xây dựng Hiến pháp là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm các quyền con người là động lực quan trọng của sự phát triển xã hội. Bảo đảm quyền con người không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước, của các cơ quan tư pháp mà còn là trách nhiệm của tất cả các tổ chức hợp thành hệ thống chính trị. Đồng thời, mọi người dân cần phải biết sử dụng những tổ chức đó để tự

bảo vệ các quyền của mình. Đây là nét đặc sắc, khác biệt của cơ chế bảo đảm quyền con người ở Việt Nam so với các quốc gia khác.

### **3.2. Hiến pháp năm 1946 với vấn đề nhân quyền**

Có thể nói rằng, mặc dù ra đời trong hoàn cảnh khó khăn, nhưng Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định những nội dung tiến bộ về quyền con người mà nhân dân ta đã giành được. Đó là một nội dung cốt lõi của Hiến pháp dân chủ.

Tuy rằng, đây là bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta nhưng nó đã ghi nhận và đảm bảo những quyền cơ bản của con người. Đó là sự bình đẳng về quyền lợi trên mọi phương diện. Công dân Việt Nam không phân biệt giới tính, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc đều bình đẳng như nhau.

Hiến pháp 1946 là một bản hiến văn hết sức ngắn gọn, súc tích với tính nhân dân, thực sự dân chủ, tiến bộ của nó được thể hiện sâu sắc trong từng điều văn của Hiến pháp. Toàn bộ bản hiến văn chỉ gồm 70 điều nhưng có đến 18 điều quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân nằm trong chương II – Quyền lợi và nghĩa vụ công dân, chỉ nằm ngay sau chương I quy định về Chính thể.

Hiến pháp 1946 đã được viết ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát, đồng thời khẳng định được những nguyên tắc về những quyền cơ bản con người trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa của công dân Việt Nam. Cụ thể những quyền đó được xác nhận như sau:

- Các quyền về chính trị: Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: Chính trị, kinh tế, văn hóa (Điều thứ 6); quyền bình đẳng trước pháp luật, và quyền được tham gia chính quyền (Điều thứ 7); quyền của các quốc dân thiểu số được giúp đỡ (Điều thứ 8); quyền bình đẳng nam nữ (Điều thứ 9); quyền được đi bầu cử và tự ứng cử (Điều thứ 18); quyền được bãi miễn các đại biểu dân cử (Điều thứ 20); quyền phúc quyết về Hiến pháp và các vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia (Điều thứ 21);
- Các quyền về kinh tế - xã hội: quyền tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình (Điều thứ 7); quyền tư hữu tài sản (Điều thứ 12); quyền được đảm bảo quyền lợi các giới cần lao trí thức và chân tay (Điều thứ 13); quyền được giúp đỡ của những người già cả hoặc tàn tật không làm được việc; quyền được săn sóc về mặt giáo dục của trẻ con (Điều thứ 14);
- Các quyền về văn hóa: quyền được giáo dục miễn phí ở bậc sơ học, quyền được học bằng tiếng của mình đối với quốc dân thiểu số ở các địa phương, học trò nghèo được Chính phủ giúp, trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước (Điều thứ 15);

- Các quyền tự do cá nhân: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (Điều thứ 10); quyền tự do thân thể, quyền bất khả xâm phạm về nhà ở và thư tín (Điều thứ 11);

Bản Hiến pháp này được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo dân quyền - các quyền tự do dân chủ của nhân dân, mà nền tảng nguồn cội của nó chính là những quyền tự nhiên của con người. Những quyền tự nhiên vốn có của con người này không phải do nhà nước tạo ra cho họ, mà được Hiến pháp tôn trọng và ghi nhận đồng thời cam kết đảm bảo thực hiện những quyền này trong thực tế. Hiến pháp năm 1946 đã xác nhận tính phổ biến của quyền con người, áp dụng bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử về giới tính..., cũng như tính không thể chuyển nhượng, tức đoạt một cách tùy tiện quyền con người của công dân Việt Nam (Điều thứ 11).

Ngày nay, nhiều nhà nghiên cứu, nhiều chuyên gia làm luật Việt Nam đã nhận định rằng, Hiến pháp năm 1946 là bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, là một bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ không kém một bản Hiến pháp nào trên thế giới. Nó là bản Hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện và chưa có bất cứ ý kiến nào cho rằng bản Hiến pháp này lạc hậu so với thời đại.

### **3.3. Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 với vấn đề nhân quyền**

So với Hiến pháp năm 1946 có 18 điều thì Hiến pháp năm 1992 có đến 34 điều, trong khi Hiến pháp năm 1980 có 29 điều, còn Hiến pháp năm 1959 là 21 điều. Các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân ở bản Hiến pháp sau không những không phải là sự sao chép nguyên bản của Hiến pháp trước mà có sự kế thừa, phát triển trong điều kiện hoàn cảnh mới của đất nước mà còn có được mở rộng hơn, cụ thể chi tiết hơn về nội hàm các quyền công dân. Hiến pháp năm 1959 đã bổ sung những quy định mới về quyền con người của công dân như: Quyền khiếu nại tố cáo đối với bất cứ cơ quan nhà nước nào (Điều 29), quyền làm việc (Điều 30), quyền nghỉ ngơi (Điều 31), quyền học tập (Điều 33), quyền tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật và tiến hành hoạt động văn hoá khác (Điều 34)... hoặc trong Hiến pháp năm 1992, quyền tư hữu tài sản của công dân cũng được quy định mở rộng hơn, cụ thể hơn về yếu tố cấu thành và loại hình cụ thể của quyền tư hữu so với Hiến pháp năm 1946 là: “Công dân có quyền sở hữu về thu nhập, của cải để danh, nhà ở, tư liệu sản xuất, vốn và các tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác” (Điều 58, Hiến pháp năm 1992).

Kế tục và phát triển hiến pháp năm 1946 và 1959, Hiến pháp năm 1980 một mặt ghi nhận lại quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã quy định trong hai Hiến pháp trước như: Quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân (Điều 55), quyền bầu cử và ứng cử (Điều 57), quyền lao động (Điều 58), quyền nghỉ ngơi (Điều 59), quyền tự do tín ngưỡng (Điều 68), quyền khiếu nại và tố cáo (Điều 73), quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 69)... Mặt khác quy định thêm về một số quyền của công dân phù hợp với tình hình mới như: công dân có quyền tham gia quản lý công việc

của nhà nước và xã hội (Điều 56), công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe. Nhà nước thực hiện chế độ khám và chữa bệnh không phải trả tiền (Điều 61), phụ nữ có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng nguyên lương nếu là công nhân, viên chức, hoặc hưởng phụ cấp sinh đẻ nếu là xã viên hợp tác xã (Điều 63), ...

Để bảo đảm các quyền dân sự, chính trị của con người có thể đi vào thực tế trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, so với các Hiến pháp năm 1959 và 1980, Hiến pháp năm 1992 đã thể hiện một bước phát triển mới trong việc pháp điển hóa các quyền con người, với việc khẳng định khái niệm và sự tôn trọng các quyền con người cũng như bổ sung một loạt các quyền và tự do mới trên tất cả các lĩnh vực. Với việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc phát triển, đường lối đổi mới kể trên không chỉ tác động đến kinh tế, xã hội mà đồng thời chi phối mạnh mẽ nhận thức và thực tế bảo đảm quyền con người ở nước ta trong thời gian qua.

Về mặt nhận thức, cùng với việc coi trọng vị thế và vai trò của con người, vấn đề quyền con người cũng được coi trọng và đánh giá tương ứng. Hiến pháp năm 1992 (Điều 50) lần đầu tiên đề cập đến thuật ngữ quyền con người và khẳng định: “ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”. Cùng với khái niệm quyền con người, các khái niệm có liên quan khác như quyền bình đẳng của phụ nữ, quyền trẻ em... cũng được chính thức đề cập.

Xét quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, Hiến pháp năm 1992 quy định năm quyền quan trọng được ban hành mới hoặc bổ sung thêm, bao gồm: quyền sở hữu tài sản (bao gồm cả tư liệu sản xuất); quyền tự do kinh doanh; quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định; quyền được thông tin theo luật định; quyền bình đẳng của các tôn giáo; quyền không bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trong đó, quyền tư hữu của công dân - một trong những quyền cơ bản nhất của con người là nội dung căn bản nhất của Hiến pháp năm 1992. Ngoài ra, Hiến pháp năm 1992 còn đề cập đến việc Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài và mở rộng việc bảo vệ, giúp đỡ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

Trong chương quy định về quyền và nghĩa vụ công dân của Hiến pháp năm 1992, nội dung đảm bảo quyền dân sự – chính trị của con người ở nước ta được thể hiện một cách cụ thể như sau:

- Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 53).

- Quyền bầu cử và tự ứng cử (Điều 54): Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.
- Quyền tự do ngôn luận, quyền tự do lập hội, hội họp, biểu tình được quy định trong Điều 69 của Hiến pháp: Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.
- Quyền khiếu nại, tố cáo: Theo Điều 74 của Hiến pháp, Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào. Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định. Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

Bên cạnh đó, công dân được bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa với các nội dung cụ thể như sau:

- Bảo đảm quyền lao động: Quyền lao động được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992: Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động (Điều 55). Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động. Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức Nhà nước và những người làm công ăn lương; khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động (Điều 56).
- Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật (Điều 57).
- Quyền học tập: Hiến pháp năm 1992 quy định, học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí. Công dân có quyền học văn hoá và học nghề bằng nhiều hình thức. Học sinh có năng khiếu được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập để phát triển tài năng. Nhà nước có chính sách học phí, học bổng. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em tàn tật được học văn hoá và học nghề phù hợp (Điều 59). Đồng thời, Hiến pháp cũng xác định nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền này tại Điều 36: Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn



giáo viên, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng. Nhà nước phát triển cân đối hệ thống giáo dục: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học, phổ cập giáo dục tiểu học, xoá nạn mù chữ; phát triển các hình thức trường quốc lập, dân lập và các hình thức giáo dục khác. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, khuyến khích các nguồn đầu tư khác. Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên bảo đảm phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn. Các đoàn thể nhân dân, trước hết là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế, gia đình cùng nhà trường có trách nhiệm giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

- Quyền được bảo vệ sức khỏe theo Điều 61: Công dân có quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khoẻ. Nhà nước quy định chế độ viện phí, chế độ miễn, giảm viện phí. Công dân có nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng. Nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma tuý khác. Nhà nước quy định chế độ bắt buộc cai nghiện và chữa các bệnh xã hội nguy hiểm.
- Quyền xây dựng nhà ở: Công dân có quyền xây dựng nhà ở theo quy hoạch và pháp luật. Quyền lợi của người thuê nhà và người có nhà cho thuê được bảo hộ theo pháp luật (Điều 62).
- Quyền bình đẳng của phụ nữ so với nam giới: Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức Nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội; chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ (Điều 63).
- Quyền được bảo hộ về hôn nhân và gia đình: Gia đình là tế bào của xã hội. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ. Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con (Điều 64). Trẻ em

được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục (Điều 65). Thanh niên được gia đình, Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc (Điều 66).

Công dân có các quyền tự do cá nhân sau:

- Quyền được thông tin (Điều 69).
- Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước (Điều 70).
- Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể: Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân (Điều 71).
- Quyền bất khả xâm phạm về nhà ở: Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Việc khám xét chỗ ở của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật (Điều 73).
- Quyền bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín: Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật (Điều 73).
- Quyền tự do đi lại và cư trú: Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật (Điều 68).

Như vậy, cả bốn bản Hiến pháp, vấn đề nhân quyền đều được ghi nhận gắn liền với những quyền cơ bản của công dân. Hiến pháp sau là sự kế thừa có chọn lọc, bổ sung những quyền của con người của Hiến pháp trước. Có thể nói, vấn đề đảm bảo những quyền cơ bản của con người là một trong những tư tưởng xuyên suốt lịch sử lập hiến của nhà nước ta.

### **3.4. Bảng so sánh các quy định về quyền và nghĩa vụ công dân trong các bản văn Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992**

Dưới đây là bảng so sánh các quy định về quyền và nghĩa vụ công dân trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992.

### **3.5. Một số ý kiến đóng góp hoàn thiện chế định quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 1992**

Từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nay, Nhà nước ta đã ban hành 4 bản Hiến pháp, nhìn chung, nếu so sánh với hiến pháp của các nước dân chủ hàng đầu thế giới, các bản hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ, đều là những bản hiến pháp tiên bộ. Trong đó (nhất là Hiến pháp năm 1946) đã thể hiện bản chất dân chủ, sự công bằng xã hội, tương quan giữa người với người, người với các nhóm lợi ích, đặc biệt là xác định rất rõ quyền và nghĩa vụ của nhân dân và nhà nước pháp quyền.

Sau 25 năm đổi mới, trong bối cảnh đất nước đã ký kết và gia nhập nhiều công ước quốc tế, việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 khẳng định sự tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong Hiến pháp, xác định rõ hơn phạm vi quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là một nỗ lực hội nhập và phát triển của Việt Nam.

#### ***3.5.1. Cách thức quy định quyền con người trong Hiến pháp***

Tại Việt Nam, nhân quyền được thể hiện qua các quyền công dân và được thể hiện thành một chương riêng trong Hiến pháp. Điều 50 của Hiến pháp quy định “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật*”. Nếu các quyền con người thể hiện ở quyền công dân thì các quyền công dân phải là những quyền tự nhiên vốn có của con người, phải được nhà nước tôn trọng và có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện trong thực tế. Theo đó, công dân cùng với những quyền vốn có của họ phải được đặt vào vị trí chủ thể và là trung tâm của mọi quy định về nhân quyền.

Tuy nhiên, trong 33 điều của Chương V về các quyền và nghĩa vụ của công dân, rất nhiều những quy định tạo ra những suy nghĩ rằng, quyền con dân có được do sự ban phát từ chủ thể nhà nước, thường thấy là “nhà nước ban hành...”, “nhà nước quy định...”, “nhà nước giao...”, “nhà nước có chính sách...”, hơn nữa, Điều 51 của Hiến pháp quy định “*Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định*”. Cách trình bày đó dễ dẫn tới ngộ nhận quyền công dân do nhà nước ban hành, không phải là những quyền tự nhiên vốn có của con người.

Điều 57 của Hiến pháp quy định “*Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật*”, có nghĩa là, nhà nước thừa nhận quyền tự do kinh doanh của công dân. Đặt vào trường

hợp ngược lại, nếu nhà nước không thừa nhận thì công dân sẽ không có quyền tự do kinh doanh. Để không xảy ra những ngộ nhận về sự ban phát quyền công dân, điều khoản này có thể được sửa lại như sau “*Không ai được xâm phạm quyền tự do kinh doanh của công dân*”.

Hiến pháp có nhiều điều khoản ghi nhận một số quyền công dân. Việc ghi nhận mang tính liệt kê này tiềm ẩn những nguyên tắc bất lợi cho người dân. Nếu hiểu trên cơ sở của Điều 51, những quyền khác của công dân không được ghi nhận, liệt kê trong Hiến pháp thì đương nhiên công dân Việt Nam không có. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể tham khảo Tu chính án thứ chín của Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ như sau “*Việc liệt kê một số quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp những quyền khác của người dân*”.

### **3.5.2. Sửa đổi quy định một số quyền cụ thể trong Hiến pháp**

#### **3.5.2.1. Quy định về quyền bình đẳng trước pháp luật**

Điều 52 Hiến pháp ghi nhận: “*Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật*”. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật nhưng pháp luật có bảo vệ mọi công dân một cách bình đẳng hay không lại là câu chuyện khác. Sự thiếu hụt một vế của quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân Việt Nam trong Hiến pháp nên dẫn đến nhiều tranh cãi pháp lý về quyền này trong thực tế. Việc công dân cần phải được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng là điều đáng được cân nhắc và ghi nhận trong Hiến pháp.

#### **3.5.2.2. Quy định về quyền được xét xử công bằng**

Quyền được xét xử công bằng chưa được ghi nhận một cách cụ thể trong Hiến pháp hiện hành. Trong lĩnh vực xét xử, một số nguyên tắc cơ bản quy định quyền và nghĩa vụ của công dân và nhà nước được ghi nhận tại Điều 72 của Hiến pháp:

Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh.

Trong các giai đoạn của tố tụng hình sự, quyền con người có khả năng bị xâm phạm rất lớn nên điều ước quốc tế và Hiến pháp Hoa Kỳ quy định rất chi tiết quyền được xét xử công bằng nhằm hạn chế sự xâm phạm đó. Hiến pháp Việt Nam nên có những ghi nhận về quyền được xét xử công bằng phù hợp với xu thế chung của thời đại.

#### **3.5.2.3. Quy định về quyền phúc quyết**

Hiến pháp năm 1946 đề cao vai trò của nhân dân trong quy trình lập hiến, theo đó, nhân dân có quyền phúc quyết Hiến pháp – phúc quyết để thực thi quyền làm chủ đất nước và những

việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia: “*Điều thứ 21: Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia, theo điều thứ 32 và 70*”.

Tiếc rằng, các bản Hiến pháp sửa đổi vào các năm 1959, 1980 và 1992 đều bãi bỏ quyền này. Đây là một quyền dân chủ trực tiếp rất quan trọng của công dân và nên được khôi phục lại trong Hiến pháp.

## KẾT LUẬN

Xuyên suốt toàn bộ nội dung, đề tài này đã nghiên cứu những vấn đề sau đây:

1. Tìm hiểu sự phát triển về nội dung chế định quyền con người trong Hiến pháp của một số quốc gia và bốn bản Hiến pháp của Việt Nam.
2. Nghiên cứu và phân tích các cách thức quy định và phạm vi điều chỉnh nhân quyền trong các bản Hiến pháp.
3. Nghiên cứu và phân tích nhân quyền là đối tượng điều chỉnh cơ bản của Hiến pháp.

Từ những nghiên cứu đó, tác giả cho thấy rằng, mặc dù được quy định theo nhiều cách thức khác nhau, hoặc bởi một bản Tuyên ngôn về nhân quyền riêng rẽ, hoặc bởi những chương điều trong bản văn Hiến pháp, hoặc bởi những bản phụ văn của Hiến pháp; mặc dù được điều chỉnh bởi những phạm vi rộng hoặc hẹp khác biệt nhau, nhưng những nội dung của quyền con người, như là những quyền tự do chính trị như những quyền bầu cử, ứng cử, ..., quyền tự do cá nhân như ngôn luận, tín ngưỡng, cư trú, các quyền về bất khả xâm phạm nơi cư trú, bất khả xâm phạm thân thể, quyền không bị bắt giam, khám xét một cách vô lý và không tuân theo những thủ tục đã được quy định trước của pháp luật..., là một đối tượng điều chỉnh cơ bản và quan trọng trong Hiến pháp của nhiều quốc gia trên thế giới.

Chế định về quyền con người luôn luôn là một phần quan trọng trong bốn bản Hiến pháp Việt Nam, thể hiện vai trò của Hiến pháp trong việc ghi nhận, bảo đảm thực hiện và bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, từ những cách tiếp cận nghiên cứu trên, tác giả đã đưa ra một số nhận định và góp ý hoàn thiện chế định quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam.